

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CHỦ ĐỀ: “THẾ GIỚI ĐỘNG VẬT”

(Thực hiện 04 tuần: Từ ngày 29 tháng 12 năm 2025 đến ngày 30 tháng 01 năm 2026)

I. Mục tiêu, nội dung.

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Hoạt động giáo dục	Điều chỉnh bổ sung
TT	Mục tiêu			
1. Lĩnh vực phát triển thể chất				
* Phát triển vận động				
1	Trẻ thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh.	- Hô hấp: Hít vào, thở ra Tay: - Đưa 2 tay giơ lên cao, ra phía trước, sang bên (kết hợp với vẫy bàn tay, nắm mở bàn tay). - Co và duỗi tay, vỗ tay vào Nhau (phía trước, phía sau, trên đầu). Lưng, bụng, lườn: - Cúi về phía trước, ngửa người ra sau. - Quay sang trái, sang phải. - Nghiêng người sang trái, sang phải. Chân: - Nhún chân. - Ngồi xổm đứng lên, bật tại chỗ. - Đứng, lần lượt từng chân co cao đầu gối.	* Chơi- tập có chủ định: - Các bài thể dục sáng - Các bài tập phát triển chung - TC: Đu quay, Lộn cầu vòng , Năm con rùa, dung dăng dung dẻ, chim bay cò bay...	
3	Trẻ kiểm soát được vận động: - Trẻ biết đi/chạy thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn (4 - 5 vật	- Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh, đích dắc (đổi hướng) theo vật chuẩn.	* Hoạt động học: Chạy theo đường đích dắc.	

	chuẩn đặt đích dắc).			
4	Trẻ biết phối hợp tay - mắt trong vận động: - Trẻ biết tung bắt bóng với người đối diện (cô/ bạn): Bắt được 3 lần liên không rơi bóng khoảng cách 3 m). - Ném trúng đích đứng (xa 1,5 m x cao 1,2 m) - Tự đập bắt bóng được 4 - 5 lần liên tiếp.	- Ném xa bằng 1 tay, 2 tay.	* Hoạt động học: Ném xa bằng 2 tay	
5	Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo, trong thực hiện bài tập tổng hợp: - Chạy liên tục theo hướng thẳng 15m trong 10 giây. - Ném trúng đích ngang (xa 2 m) - Bò trong đường đích dắc (3 - 4 điểm đích dắc, cách nhau 2m) không chệch ra ngoài.	- Bò chui qua cổng, ống dài 1,2m x 0,6 m.	* Hoạt động học: - Bò chui qua ống dài 1,2m x 0,6 m.	
6	Trẻ biết phối hợp tay, chân nhịp nhàng, giữ được thăng bằng cơ thể khi biết bật liên tục vào vòng, bật chụm tách chân. - Bật qua vật cản. - Bật xa 35-40 cm.	- Bật nhảy từ trên cao xuống 30 - 35cm	* Hoạt động học: Bật nhảy từ trên cao xuống 30 - 35cm.	

	- Bật nhảy từ trên cao 30-35 cm xuống (Bật sâu).			
9	Trẻ thực hiện được các vận động: - Cuộn - xoay tròn cổ tay. - Gập, mở, các ngón tay.	-Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, ve, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nôi... - Gập giấy.	* Hoạt động chơi: - Góc rèn kỹ năng cho trẻ cài, cởi cúc, kéo khóa (phéc mơ tuya), khâu, luồn, buộc dây. - Chơi ở góc xây dựng.	
10	- Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động: - Vẽ hình người, nhà, cây. - Cắt thành thạo theo đường thẳng. - Xây dựng, lắp ráp với 10 - 12 khối. - Biết tết sợi đôi. - Tự cài, cởi cúc, buộc dây giày.	- Tô, vẽ hình người, nhà, cây. - Xé, cắt đường thẳng - Lắp ghép hình - Biết tết sợi đôi. - Cài, cởi cúc, khâu buộc dây	* Hoạt động chơi: - Góc rèn kỹ năng cho trẻ cài, cởi cúc, kéo khóa (phéc mơ tuya), khâu, luồn, buộc dây. - Chơi ở góc nghệ thuật. - Chơi ở góc xây dựng.	

b. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe

15	- Trẻ biết tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.	- Biết tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.	* Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân: - Trẻ cầm bát, cầm thìa xúc cơm ăn, không làm rơi vãi cơm - Mời cô, mời bạn khi ăn cơm - Nhắc nhở trẻ phải ăn thức ăn chín, uống nước đun sôi, cho trẻ uống nước đun sôi...	
17	- Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh phòng bệnh khi được nhắc nhở: - Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi	- Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người.		

	ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép giày khi đi học. - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt... - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Bỏ rác đúng nơi quy định.	- Nhận biết một số biểu hiện khi ốm và cách phòng tránh đơn giản. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định.		
20	- Trẻ biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở: - Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt... - Không ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn lá, quả lạ... không uống rượu bia, cà phê; không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn. - Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo.	- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe <i>theo phong tục văn hóa của địa phương</i>.	* Hoạt động chơi: - Xem tranh ảnh, lô tô, video, trò chuyện với trẻ về một số trường hợp nguy hiểm như: gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: Cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu. Gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên địa chỉ gia đình số điện thoại người thân khi cần thiết. - Trò chuyện, giáo dục trẻ gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp	

2. Lĩnh vực phát triển nhận thức

a, Khám phá khoa học

22	- Trẻ biết quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay	- Quan sát, phán đoán mối quan hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống (<i>mưa đá, động đất, lũ lụt, ...</i>).	* Hoạt động học: - Tìm hiểu về một số động vật nuôi trong gia đình (4 chân đẻ con) - Tìm hiểu về 1 số con vật sống trong rừng	
----	--	--	--	--

	đôi của sự vật hiện tượng: "Vì sao cây lại héo"?; "Vì sao lá cây bị ướm"?...	- Cách chăm sóc bảo vệ con vật, cây <i>bảo vệ rừng</i>.... - Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả, gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người.		
23	- Trẻ biết phối hợp các giác quan để xem xét sự vật hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.	- Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi.	* Hoạt động chơi: - Chơi ở các góc chơi. - Chơi ngoài trời.	
24	- Trẻ biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán. Ví dụ: pha màu / đường / muối / vào nước, dự đoán, quan sát, so sánh.	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 - 3 đồ dùng, đồ chơi.	*Hoạt động chơi: - Chơi ngoài trời: Cho trẻ chơi trò chơi ghép đôi, xem ai tinh mắt. - Trò chơi thi xem ai nhanh	
26	- Trẻ biết phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu.	- Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1 - 2 dấu hiệu. - Đặc điểm công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 1 - 2 dấu hiệu. - Phân loại đồ dùng, đồ chơi - Phân loại cây hoa quả, con vật theo 1 – 2 dấu hiệu.	*Hoạt động chơi: - Chơi các trò chơi - Chơi các góc chơi với con vật, lô tô, phân loại...nặn con vật. - Chơi ở các góc sách, truyện.	
30	- Trẻ biết thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt	- Thực hiện thông qua các nội dung giáo dục của hoạt	*Hoạt động chơi: - Chơi các trò chơi	

	động chơi, âm nhạc và tạo hình...	động vui chơi, âm nhạc, tạo hình.		
b, Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán				
31	- Trẻ biết quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi: "Bao nhiêu"; "Là số mấy"?...	- Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5.	*Hoạt động học: - Đếm trẻ đối tượng trong phạm vi 4, nhận biết chữ số 4.	
38	- Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất ba đối tượng và sao chép lại.	- So sánh phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc. - Xếp tương ứng 1 – 1, ghép đôi. - Tách một nhóm đối tượng thành 2 nhóm nhỏ hơn.	* Hoạt động chơi: - Chơi ở góc học tập sắp xếp đồ chơi theo quy tắc, xếp tương ứng, ghép đôi giữ các đồ dùng cá nhân trẻ. * Hoạt động học: - Gộp, tách nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 4 thành 2 nhóm nhỏ bằng các cách khác nhau.	
c, Khám phá xã hội				
51	- Trẻ biết kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội.	- Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hóa nơi trẻ sống. (<i>lễ hội của dân tộc Mông,...</i>)	* Hoạt động đón, trả trẻ, trò chuyện hàng ngày. - Trò chuyện, xem tranh ảnh, lô tô về một số hoạt động trong ngày Tết dương lịch.	
3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ				
54	- Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát: rau, quả, con vật, đồ gỗ...	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức.	* Hoạt động học: - DTCTV: Con gà, con chó, con mèo, con trâu, con vịt, con ngan...	
55	- Trẻ biết lắng nghe và trao đổi với người đối thoại.	- Lắng nghe và trao đổi với người đối thoại. - Trả lời và đặt các câu hỏi: ai? cái gì? ở đâu? Khi nào? để làm gì?.	- Đón trẻ, trả trẻ: trò chuyện với trẻ, quan sát trẻ trò chuyện, trao đổi với nhau....	

57	- Trẻ sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...	- Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm.	* Hoạt động chơi: - Chơi góc hoạt động xây chuồng trại, góc sách truyện: xem tranh gọi tên, đặc điểm, tiếng kêu của các con vật	
60	- Trẻ đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...	- Nghe các bài hát, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi. <i>Nghe những bài hát dân ca, những câu chuyện của dân tộc, địa phương trẻ..</i> - Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ hò vè.	* Hoạt động học: - Thơ: Đàn gà con - Thơ: Rong và cá	
62	- Trẻ biết bắt chước giọng nói điệu bộ của nhân vật trong truyện.	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp. - Đóng kịch.	* HĐ học: - Kể chuyện cho trẻ nghe truyện “Truyện: Cáo, thỏ và gà trống - Kể chuyện cho trẻ nghe: Dê con nhanh trí	
64	- Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với mọi hoàn cảnh khi được nhắc nhở.	- Điều chỉnh giọng nói phù hợp với mọi hoàn cảnh khi được nhắc nhở.	* HĐ chơi: - Đọc các bài ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè.. + Đọc câu đố về các con vật. + Chơi trò chơi: tạo dáng, đố bạn, nghe tiếng kêu đoán tên con vật.	
65	- Trẻ biết chọn sách để xem.	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Giữ gìn bảo vệ sách.	* Hoạt động chơi: Chơi ở các góc như góc sách truyện, thư viện’ Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau Giữ gìn bảo vệ sách.	
66	- Nhận dạng một số chữ cái.	- Nhận dạng một số chữ cái.	* Hoạt động chơi: Chơi ở các góc như góc để nhận dạng chữ cái qua sách truyện, thư viện.	

67	- Trẻ biết mô tả hành động của các nhân vật trong tranh.	- Mô tả sự vật hiện tượng, tranh ảnh.	* Hoạt động chơi: - Chơi ở các góc như góc sách truyện, thư viện' Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau Giữ gìn bảo vệ sách.	
70	- Trẻ biết sử dụng kí hiệu đề: "viết"; tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng...	- Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu. - Làm quen với cách đọc và cách viết tiếng Việt. - Tập tô tập đồ nét chữ.	* Hoạt động chơi: - Chơi ở các góc như góc sách truyện, thư viện - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau	

4. Lĩnh vực phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội

a. Phát triển tình cảm

74	- Trẻ tự chọn đồ chơi trò chơi theo ý thích.	- Sở thích khả năng của bản thân.	* HĐ chơi: - Chơi ở các góc chơi.	
76	- Trẻ nhận biết cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ qua tranh, ảnh.	- Nhận biết một số trạng thái, cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh.	* Hoạt động chơi: - Trò chuyện với trẻ trong giờ đón, trả trẻ, trong các giờ hoạt động vui chơi - Cho trẻ xem video, tranh ảnh, lô tô về một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh.	
77	- Trẻ biết biểu lộ một số cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói, trò chơi, hát, vận động; vẽ, nặn, xếp hình.		

b, Phát triển kỹ năng xã hội

83	- Trẻ biết chú ý nghe khi cô, bạn nói.	- Phân biệt hành vi “đúng” “sai”, “tốt”- “xấu”	* HĐ vệ sinh: Trẻ biết xếp hàng chờ đến lượt	
----	--	--	--	--

84	- Trẻ biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở.	- Chờ đến lượt, hợp tác	* Hoạt động chơi: Trẻ biết hợp tác với bạn trong giờ chơi	
85	- Trẻ biết trao đổi thỏa thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật...).	- Quan tâm, giúp đỡ bạn.	* Hoạt động chơi: Hoạt động góc, chơi ngoài trời -Trẻ liên kết giúp đỡ nhau trong khi chơi. -Trẻ nhường đồ chơi cho bạn, không xô đẩy nhau cùng chơi trò chơi	
86	- Trẻ thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc.	- Bảo vệ, chăm sóc con vật, cây cối <i>bảo vệ rừng....</i>	* Hoạt động chơi: - Trò chuyện với trẻ trong giờ đón, trả trẻ, trong các giờ hoạt động vui chơi, giáo dục trẻ chăm sóc, bảo vệ con vật nuôi trong gia đình.	
87	- Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định.	- Giữ gìn vệ sinh môi trường <i>bản làng, trường lớp,.</i>	* Hoạt động vệ sinh cá nhân: - Nhắc trẻ đi vệ sinh đúng nơi quy định, đúng với giới tính của mình * HĐ lao động: - Thực hành nhặt rác bỏ vào thùng rác	

5. Lĩnh vực giáo dục phát triển thẩm mỹ.

91	- Trẻ chú ý, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.	- Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca).	* Hoạt động học: - Âm nhạc: DH: Một con vịt (TT) NH: Gà gáy TC: Tự chọn DH: Thật là hay NH: Vì sao chim hay hót. (TT) TC: Tự chọn DH: Đố bạn.	
92	- Trẻ thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gọi cảm nói lên	- Thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gọi cảm	NH: Cò lả (TT) TC: Tự chọn DH: Cá vàng bơi(TT) NH: Chú ếch con	

	cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.	nói lên cảm xúc của mình.	TC: Tự chọn *Hoạt động chơi: Tổ chức cho trẻ biểu diễn văn nghệ. Đọc thơ, ca dao, đồng dao	
93	- Trẻ hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ....	- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát. - <i>Hát các bài hát tiếng mẹ đẻ.</i>		
96	- Trẻ biết vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn, tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục.	- Vẽ phối hợp các đường nét / nét thẳng, xiên, xoay tròn để miêu tả những sự vật, các sự kiện, nhân có mối quan hệ đơn giản.	* Hoạt động học: - Vẽ con vịt - Vẽ con mèo - Vẽ con thỏ - Dán đàn cá	
97	- Trẻ biết xé, cắt theo đường thẳng, đường cong...và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục.	- Sử dụng các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng / đường nét.		
98	- Trẻ biết làm lổm, dổ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết.	- Sử dụng các kỹ năng làm lổm, dổ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết.		
99	- Trẻ phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.	- Tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích.		
100	- Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng đường nét.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc hình dáng đường nét.		

	đường nét, hình dáng.		* Hoạt động học Biết nhận xét sản phẩm tạo hình của mình các bạn.	
103	- Trẻ nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	- Nói lên ý tưởng tạo hình của mình.		
104	- Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	- Đặt tên cho sản phẩm của mình.	* Hoạt động chơi: Chơi các góc nghệ thuật, góc tạo hình	

II. MỞ CHỦ ĐỀ

- Chủ đề : Thế giới động vật : Thực hiện 04 tuần từ ngày 29 tháng 12 đến ngày 30 tháng 01 năm 2026.

- Qua chủ đề giới thiệu với trẻ về một số động vật nuôi trong gia đình (gia cầm), (gia súc), con vật sống trong rừng, con vật sống dưới nước.

- Cô cùng trẻ làm bức tranh về chủ đề.

+ Tô màu hoặc dán ảnh về chủ đề thực hiện lên một cái bảng.

+ Treo bảng vào một góc để trẻ quan sát, trao đổi.

- Giáo viên cùng trẻ bày biện các đồ dùng đồ chơi ở góc các góc cô hướng trẻ chú ý đến sự trang trí trong lớp liên quan.

III. CHUẨN BỊ:

- Tranh ảnh và đồ chơi liên quan đến chủ đề.

- Bộ đồ chơi xây dựng.

- Giấy vẽ, bút chì, giấy màu.

- Khối gỗ, hạt hạt các loại phải đảm bảo an toàn.

- Các loại vật liệu có sẵn: Rơm rạ, lá, vải vụn, len vụn.

- Hồ dán, đất nặn, kéo, giấy A4.

- Ghế, mũ múa, phách tre, xác xô.

- Sách vở của trẻ

- Đồ dùng đồ chơi phục vụ cho trẻ chơi hoạt động góc.

IV. KHÁM PHÁ CHỦ ĐỀ:

- Con vật nuôi trong gia đình (Gia cầm)

- Con vật nuôi trong gia đình (Gia súc)

- Con vật sống trong rừng

- Con vật sống dưới nước
